CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 05184/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-012- Ống khí thải xưởng in lưới, tọa độ: VĐ=21,120410, KĐ=105,781545 (SI-1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				SI-1		
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	13,1	***140***	-
2	Cyclohexanone[(b)]	mg/Nm^3	CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,0023)	-	***400***
3	Naphtalen[(b)]	mg/Nm^3	PD CENTS 13649:2014	KPH (MDL=0,002)	-	***150***
4	Ethylbenzene[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***870***
5	Xylen (m-Xylen)[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,03	-	***870***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả SI-1				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ **QCVN 20: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 05190/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-013- Ống khí thải của khu vực lắp ráp, tọa độ: VĐ=21.12011, KĐ=105,78161 (AS1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01: 2014/BTNMT (Cmax)
				AS1	
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	13,2	***140***
2	Amoniac và các hợp chất amoni[(b)]	mg/Nm^3	JIS K0099:2020	KPH (MDL=3)	***40***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả AS1				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)
+ **QCVN 20: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 05186/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-014- Ống khí thải xưởng sản xuất cảm biến hình ảnh CI-1, tọa độ: VĐ=21.119067, KĐ=105.780244 (CI-1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				CI-1		
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	11,8	***140***	-
2	Đồng và hợp chất, tính theo Cu[(b)]	mg/Nm^3	US EPA METHOD 29	KPH (MDL=0,017)	***8***	-
3	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn[(b)]	mg/Nm^3	US EPA METHOD 29	KPH (MDL=0,008)	***24***	-
4	n-Propanol[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***980***
5	n-Hexane[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 1 3649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***450***
6	Cyclohexane[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***1.300***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả CI-1				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ **QCVN 20: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 05187/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-015- Ống khí thải xưởng sản xuất cảm biến hình ảnh CI-2, tọa độ: VĐ=21.119851, KĐ=105.780142 (CI-2)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				CI-2		
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	12,4	***140***	-
2	Cyclohexanone[(b)]	mg/Nm^3	CEN/TS 1 3649: 2014	KPH (MDL=0,0023)	-	***400***
3	Naphtalen[(b)]	mg/Nm^3	PD CENTS 13649:2014	KPH (MDL=0,002)	-	***150***
4	Xylen (m-Xylen)[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,03	-	***870***
5	Etyl axetat[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***1.400***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả CI-2				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 05185/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-016- Ống khí thải kho hóa chất 1, tọa độ: VĐ=21.1226914, KĐ=105.7809015 (E1-1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01: 2014/BTNMT (Cmax)
				E1-1	
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	14,5	***140***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả E1-1				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 05188/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-017- Ống khí thải kho hóa chất 2, tọa độ: VĐ=21,119858, KĐ=105,781905 (E2-1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				E2-1		
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	15,1	***140***	-
2	n-Propanol[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***980***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả E2-1				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)[(b)]	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)

Quy chuẩn so sánh: **QCTĐHN 01:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

+ **Cmax= C × Kp × Kv** (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

+ **QCVN 20: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 05189/2025/PKQ/25.2465

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KT.060525-018- Ống khí thải xưởng đúc nhựa, tọa độ: VĐ=21.119229, KĐ=105.780637 (MO-2)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				MO-2		
1	Bụi tổng (PM)[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 05	13,7	***140***	-
2	Đồng và hợp chất, tính theo Cu[(b)]	mg/Nm^3	US EPA METHOD 29	KPH (MDL=0,017)	***8***	-
3	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn[(b)]	mg/Nm^3	US EPA METHOD 29	KPH (MDL=0,008)	***24***	-
4	Axetylen tetrabromua[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0006)	-	***14***
5	Cyclohexanone[(b)]	mg/Nm^3	CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,0023)	-	***400***
6	Etylbromua[(*)]	mg/Nm^3	CEN/TS 13649: 2014	<0,0001	-	***890***
7	Etylendibromua[(*)]	mg/Nm^3	CEN/TS 13649: 2014	<0,002	-	***190***
8	Metylbromua[(b)]	mg/Nm^3	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,001)	-	***80***
9	Naphtalen[(b)]	mg/Nm^3	PD CENTS 13649:2014	KPH (MDL=0,002)	-	***150***
10	Ethylbenzene[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***870***
11	m-Xylene[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,03	-	***870***
12	Toluene[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,04	-	***750***
13	Styrene[(b)]	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,03	-	***100***
14	Formaldehyde[(*)]	mg/Nm^3	US EPA (SW-846) 0011	<0,8	-	***20***

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				MO-2		
15	Phenol(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***19***
16	Methyl acrylate(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***35***
17	Axetaldehyde(*)	mg/Nm^3	US EPA (SW-846) 0011	<0,25	-	***270***
18	Ethylene oxide(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	-	***20***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả MO-2				QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Cmax)
				L1	L2	L3	TB	
1	CO(b)	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	KPH (MDL= 1,14)	***800***
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	KPH (MDL= 3,77)	***680***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)

+ Chỉ tiêu Etylbromua, Etylendibromua, Formaldehyde, Axetaldehyde được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và Môi trường - Vimcerts 079

Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

+ Cmax= C × Kp × Kv (với Kp= 1; Kv=0,8; riêng Bụi tổng Kv= 0,7)

+ QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 05123/2025/PKQ/25.2604

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.090525-015- Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ: VĐ=21,119509, KĐ=105,779572 (NT1)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 09/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC TLIP	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột A, Cmax)
				NT1		
1	BOD_5 (20°C)[(b)]	mg/L	TCVN 6001-1:2021	156	***240***	***30***
2	COD[(b)]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	240	***350***	***75***
3	TSS[(b)]	mg/L	TCVN 6625:2000	102,6	***200***	***50***
4	Sunfua (S^{2-})[(b)]	mg/L	TCVN 6637:2000	0,86	***0,162***	***0,2***
5	Tổng Nitơ[(b)]	mg/L	TCVN 6638:2000	70,8	***40***	***20***
6	Tổng phosphor (Tổng P)[(b)]	mg/L	TCVN 6202:2008	6,63	***5***	***4***

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn TLIP: Tiêu chuẩn đầu ra của KCN Thăng Long

+ **QCTĐHN 02:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

Cột A: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ **Cmax=** C × Kq × Kf (với Kq=1,0; Kf= 1,0)

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 05124/2025/PKQ/25.2604

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa điểm quan trắc : Nhà máy Thăng Long - Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.090525-016- Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (Xả vào hệ thống xử lý nước thải chung của TLIP), tọa độ: VĐ=21,119255, KĐ=105,779656 (NT2)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 09/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/05/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC TLIP	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột A, Cmax)
				NT2		
1	pH[(b)]	-	TCVN 6492:2011	7,25	***6 - 9***	***6 ÷ 9***
2	Kẽm[(b)]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	-	***3***
3	Tổng dầu mỡ khoáng[(b)]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5	-	***5***
4	Dầu mỡ động, thực vật[(b)]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,7	***20***	-
5	Florua[(b)]	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	1,88	-	***5***
6	Clorua (Cl^-)[(b)]	mg/L	TCVN 6194:1996	39,7	-	***500***
7	BOD_5 (20°C)[(b)]	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7,1	***240***	***30***
8	COD[(b)]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17,6	***350***	***75***
9	TSS[(b)]	mg/L	TCVN 6625:2000	15,4	***200***	***50***
10	Sunfua (S^{2-})[(b)]	mg/L	TCVN 6637:2000	0,11	***0,162***	***0,2***
11	Tổng Nitơ[(b)]	mg/L	TCVN 6638:2000	19,2	***40***	***20***
12	Tổng phosphor (Tổng P)[(b)]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,05	***5***	***4***
13	Amoni (tính theo N)[(b)]	mg/L	TCVN 5988:1995	2,8	***10,42***	***5***
14	Coliform[(b)]	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	$1,1\times10^3$	***$<10^9$***	***3.000***
15	Cyanide (CN^-)[(b)]	mg/L	SMEWW 4500CN-.C&E:2023	KPH (MDL=0,002)	-	***0,07***

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn TLIP: Tiêu chuẩn đầu ra của KCN Thăng Long

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ **QCTĐHN 02:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

Cột A: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ **Cmax=** C × Kq × Kf (với Kq=1,0; Kf= 1,0)

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.